

Số: 14/2018/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du Lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 2/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng về việc thông qua dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền quản lý dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2018 và thay thế Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền tổ chức quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp và ủy quyền tổ chức quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp kèm theo Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND.

Điều 3. Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ I, II;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT/TU; TT/HĐND tỉnh; TT/UBND tỉnh;
- Các Ban đảng, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NC/ĐTXD (MN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hùng

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp và ủy quyền quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định việc phân công, phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nội dung về quản lý dự án đầu tư (có và không có cấu phần xây dựng) bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách (trong đó bao gồm vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công; chi tiết về nguồn vốn theo Phụ lục) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp do tỉnh, cấp huyện, cấp xã quản lý, cụ thể:

- Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư;
- Thẩm quyền thẩm định dự án, điều chỉnh dự án, thẩm định thiết kế cơ sở; thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán;
- Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu;
- Phân cấp cấp giấy phép xây dựng;
- Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư;
- Hình thức tổ chức quản lý dự án và trách nhiệm giám sát, đánh giá đầu tư;

b) Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài được thực hiện theo quy định này và pháp luật về quản lý sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

c) Đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý và thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Xác định chủ đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng

Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án hoặc khi phê duyệt dự án theo quy định tại Điều 7, Luật Xây dựng.

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành cấp tỉnh (sau đây gọi là Ban QLDA chuyên ngành) hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình;

b) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất cấp huyện (sau đây gọi là Ban QLDA cấp huyện) hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình;

c) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách của cấp xã, chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Trong một số trường hợp cụ thể, người quyết định đầu tư giao cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình là chủ đầu tư, thì người quyết định đầu tư giao chủ đầu tư ký hợp đồng thuê Ban QLDA chuyên ngành hoặc Ban QLDA cấp huyện có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 64, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP thực hiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng

Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc khi phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Khoản 6, Điều 4, Luật Đầu tư công.

a) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình;

b) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư: Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án cấp huyện hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình;

c) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công của ngân sách cấp xã, chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh làm chủ đầu tư các dự án sử dụng ngân sách tỉnh được phân bổ cho đơn vị.

4. Đối với dự án PPP, chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật.

Chương II **CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**

Điều 3. Chủ trương đầu tư

1. Đề xuất chủ trương đầu tư

a) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, các sở, ngành, địa phương, đơn vị được giao lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư và tổ chức thẩm định (nội bộ), trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

Đối với các dự án sử dụng vốn sự nghiệp không yêu cầu lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, chủ đầu tư căn cứ vào quyết định giao vốn sự nghiệp hàng năm tổ chức thực hiện lập, trình thẩm định phê duyệt dự án; thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng; riêng các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP (trừ dự án nêu tại Điểm a Khoản này), việc đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và đầu tư

2. Thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư

a) Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp tỉnh do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách kinh tế ngành làm Chủ tịch; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch thường trực; Ủy viên Hội đồng gồm lãnh đạo các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách đầu tư xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, các sở ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan đến dự án đầu tư;

b) Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp huyện do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phụ trách kinh tế làm Chủ tịch; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch làm Phó Chủ tịch; Ủy viên Hội đồng gồm lãnh đạo các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng (hoặc Phòng Quản lý đô thị), các phòng liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan đến dự án đầu tư;

c) Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp xã do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch; công chức Tài chính - Kế toán làm Ủy viên thường trực; Ủy viên Hội đồng gồm: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, công chức địa chính - xây dựng.

3. Thẩm quyền thẩm định và trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư công

a) Đối với dự án nhóm A: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp tỉnh thực hiện thẩm định; cơ quan lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoàn chỉnh báo cáo theo ý kiến thẩm định của Hội đồng, thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, để trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C có sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và phân bổ:

- Đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C:

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp tỉnh thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối nhận hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư).

Riêng dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; sau khi Hội đồng nhân dân cùng cấp chấp thuận, trình hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối nhận hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư); Ủy ban nhân dân tỉnh giao Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp tỉnh thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan lập hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Riêng dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư;

- Đối với dự án nhóm C không thuộc quy định tại Tiết 1, Điểm này:

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (kể cả dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý); Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan lập hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý) quyết định chủ trương đầu tư;

c) Đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn của địa phương

- Đối với dự án sử dụng nguồn vốn do tỉnh quản lý và phân bổ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp tỉnh thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; đơn vị lập Báo cáo hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối nhận hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư của dự án.

Riêng đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý (vốn tỉnh hỗ trợ địa phương), Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối nhận hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư). Sau khi Báo cáo được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp tỉnh thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh Báo cáo theo ý kiến thẩm định gửi lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối nhận hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

- Đối với dự án sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách cấp huyện, cấp xã quản lý và phân bổ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã giao Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp huyện, cấp xã thực hiện thẩm định; đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo theo ý kiến thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư;

d) Đối với dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn do tỉnh quản lý và phân bổ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Sau đó, cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thiện Báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối nhận hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh).

Riêng đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý (vốn tỉnh hỗ trợ địa phương), Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã gửi hồ sơ trình thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án sử dụng ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nguồn vốn và mức vốn tỉnh hỗ trợ (Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối nhận hồ sơ thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đã được địa phương hoàn chỉnh). Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt chủ trương đầu tư sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý nguồn vốn và mức vốn tỉnh hỗ trợ dự án;

đ) Đối với dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách cấp huyện, cấp xã quản lý và phân bổ:

- Đối với dự án sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách cấp huyện quản lý và phân bổ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và gửi cho Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cấp huyện thẩm định; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư;

- Đối với dự án sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách cấp xã quản lý và phân bổ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và gửi Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cấp xã để thẩm định; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chủ trương đầu tư.

4. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 17, Luật Đầu tư công.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước được đầu tư xây dựng trên địa bàn của tỉnh (kể cả dự án chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) bao gồm: Dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh quyết định đầu tư; dự án do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan ở Trung ương) quyết định đầu tư, được cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành phân cấp, uỷ quyền cho tỉnh thẩm định và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình cấp II trở xuống do cơ quan ở Trung ương quyết định đầu tư, được cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư yêu cầu chủ đầu tư trình tỉnh thẩm định, trừ các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên, việc thẩm định thực hiện như sau:

a) Các cơ quan quy định tại Điểm b, c, d, đ và e Khoản này là đầu mối nhận hồ sơ thẩm định dự án; chủ trì thẩm định đối với các nội dung quy định tại Điều 58, Luật Xây dựng năm 2014. Chủ đầu tư phải đồng thời gửi 01 bộ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư) hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư);

b) Sở Xây dựng chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị), trừ công trình thuộc Điểm e Khoản này; Riêng đối với dự án đầu tư xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng chỉ có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, sau khi mẫu phác thảo bước 2 được người quyết định đầu tư phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định dự toán phần mỹ thuật theo quy định của pháp luật về hoạt động mỹ thuật trước khi trình

thẩm định dự án, trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực tổ chức thẩm định dự toán thì có quyền thuê tư vấn có chức năng thẩm định giá để thẩm định dự toán;

c) Sở Giao thông vận tải chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định và công trình thuộc Điểm e Khoản này;

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, trừ công trình thuộc Điểm e Khoản này;

đ) Sở Công thương chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành, trừ công trình thuộc Điểm e Khoản này;

e) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định (giao cho phòng có chức năng quản lý xây dựng chủ trì) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

g) Các cơ quan quy định tại Điểm b, c, d, đ và e Khoản này gửi thông báo kết quả thẩm định đến chủ đầu tư, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư) hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư);

h) Sau khi chủ đầu tư hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, gửi 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh cho cơ quan trực tiếp thẩm định và Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư) hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư). Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát sự phù hợp với chủ trương đầu tư và khả năng cân đối vốn, tổng hợp trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định đầu tư dự án.

2. Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách (kể cả dự án chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh quyết định đầu tư, dự án do cơ quan ở Trung ương quyết định đầu tư được cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành phân cấp, uỷ quyền cho tỉnh thẩm định và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình cấp II trở xuống do cơ quan ở Trung ương quyết định đầu tư, được cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư yêu cầu chủ đầu tư trình tỉnh thẩm định, trừ các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên, việc thẩm định thực hiện như sau:

a) Chủ đầu tư gửi hồ sơ trình thẩm định dự án đến một trong các cơ quan có liên quan quy định tại Điểm b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều này và Sở Kế hoạch và Đầu tư

(đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư); Phòng Tài chính – Kế hoạch (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư); Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư);

b) Các cơ quan quy định tại Điểm b, c, d, đ Khoản 1 Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (trường hợp dự án chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) về các nội dung quy định tại Điểm c, d, đ và e Khoản 4, Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014, trừ phần thiết kế công nghệ; thông báo kết quả thẩm định đến chủ đầu tư và đồng gửi các cơ quan nêu tại Điểm d, Khoản này theo cấp quyết định đầu tư. Riêng đối với dự án đầu tư xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng chỉ có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, sau khi mẫu phác thảo bước 2 được người quyết định đầu tư phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức chức lập, thẩm định dự toán phần mỹ thuật theo quy định của pháp luật về hoạt động mỹ thuật trước khi trình thẩm định dự án, trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực tổ chức thẩm định dự toán thì có quyền thuê tư vấn có chức năng thẩm định giá để thẩm định dự toán;

c) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (giao cho phòng có chức năng quản lý xây dựng chủ trì) tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán về các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư); Phòng Tài chính – Kế hoạch (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định thiết kế công nghệ và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình; rà soát sự phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối các nguồn vốn, tổng hợp trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định đầu tư dự án (sau khi chủ đầu tư hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định);

đ) Đối với dự án sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất: Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án; chủ trì tổ chức thẩm định dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng do cấp tỉnh quản lý.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư); Phòng Tài chính – Kế hoạch (đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện,

cấp xã quyết định đầu tư) tổ chức thẩm định phần mua sắm hàng hóa, thiết bị rời, cung cấp dịch vụ trong các dự án; chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa, thiết bị rời, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 05 tỷ đồng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách.

4. Đối với dự án PPP, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điểm b, c, d và đ Khoản 1, Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ); góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện, thông báo kết quả thẩm định cho người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án do tỉnh quản lý:

Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án; chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định và tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cấp huyện (Phòng Tài chính – Kế hoạch) chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định dự án; tổng hợp kết quả thẩm định gửi chủ đầu tư;

b) Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định và hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án, gửi cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư cấp huyện, cấp xã (Cán bộ tài chính) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã quyết định đầu tư.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng và không có cấu phần xây dựng

1. Dự án sử dụng vốn đầu tư công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do tỉnh quản lý, trừ các dự án đã phân cấp cho cơ quan cấp dưới.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, vốn từ

nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, kể cả dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp quyết định đầu tư cho cơ quan cấp dưới trực tiếp.

2. Đối với dự án sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước góp vốn để đầu tư xây dựng, do người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật quyết định đầu tư dự án, trừ dự án quan trọng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy

1. Đối với dự án, công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ; Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy (trừ các dự án, công trình thuộc thẩm quyền thẩm duyệt của Cục Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 7, Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP).

Chủ đầu tư gửi hồ sơ thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đến Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với thiết kế cơ sở (bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi), thiết kế kỹ thuật (đối với thiết kế 3 bước), thiết kế bản vẽ thi công (đối với thiết kế 1, 2, 3 bước) trước khi gửi hồ sơ thẩm định dự án hoặc thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công đến các cơ quan quy định tại Điểm b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 4; trường hợp gửi đồng thời đến một trong các cơ quan quy định tại Điểm b, c, d, đ và e, Khoản 1, Điều 4 Quy định này, thì chủ đầu tư phải gửi giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, để rà soát sự phù hợp về thiết kế trước thời gian trả kết quả thẩm định.

2. Công trình có nguy hiểm về cháy, nổ nêu tại các Mục 14, 16 và 20 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP phải có văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

Điều 8. Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án trên địa bàn, theo quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, trừ các dự án quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c, Khoản 1, Điều 14 của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

2. Chủ đầu tư thực hiện trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán:

Trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Khoản 9, Khoản 10, Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 5 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ; phần sửa đổi, bổ sung Điểm a, Khoản 1, Điều 24, Điểm a, Khoản 1, Điều 25 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ, việc thẩm định được thực hiện như sau:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (quy định tại Điểm c, d, đ, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này) chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước); thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) đối với công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng, chiều cao không quá 75 m; công trình cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản này. Riêng công trình tượng đài, tranh hoành tráng, chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định dự toán phần mỹ thuật theo quy định của pháp luật về hoạt động mỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước, thiết kế hai bước).

Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định dự toán phần mua sắm hàng hóa, thiết bị rời, cung cấp dịch vụ; thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của dự án có nội dung chủ yếu là mua sắm hàng hóa, thiết bị rời, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng nhỏ hơn 05 tỷ đồng;

b) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước); thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) đối với công trình cấp III trở xuống do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

c) Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách (không do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư), người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có); thẩm định thiết kế, dự toán công trình cấp IV.

d) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế và dự toán các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng (không phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình) theo Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán,

phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

2. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Đối với các công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước (công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước);

b) Đối với các công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước (công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước);

c) Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước (vốn nhà nước ngoài ngân sách) trừ các công trình quy định tại Điểm a, b, Khoản này;

d) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước (vốn nhà nước ngoài ngân sách); phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng theo Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

đ) Đối với dự án đầu tư theo hình thức PPP, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

3. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Phòng Tài chính – Kế hoạch tổ chức thẩm định dự toán mua sắm hàng hoá, thiết bị rời, cung cấp dịch vụ trong dự án, trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án nhóm A và dự án nhóm B, nhóm C do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý và dự án nhóm B, nhóm C được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp huyện quyết định đầu tư:

Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính – Kế hoạch), cấp xã chủ trì thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt.

3. Đối với mua sắm thiết bị thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp thường xuyên và quỹ hoạt động sự nghiệp của đơn vị, Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 11. Thẩm quyền điều chỉnh dự án; điều chỉnh thiết kế, dự toán

1. Điều chỉnh dự án đầu tư

a) Các trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 61, Luật Xây dựng và Khoản 2, Điều 46, Luật Đầu tư công;

b) Cơ quan nào có thẩm quyền phê duyệt dự án thì có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đó;

c) Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh là cơ quan đã chủ trì thẩm định dự án, thiết kế cơ sở được duyệt;

d) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách sau khi điều chỉnh, bổ sung vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt, chủ đầu tư phải lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền tại Khoản 1, Điều 4 của Quy định này để tổ chức thẩm định dự án; trình người có thẩm quyền tại Điều 6 của Quy định này phê duyệt điều chỉnh dự án;

đ) Chủ đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách được phép điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư, được phép sử dụng chi phí dự phòng trong tổng mức đầu tư của dự án sau khi có ý kiến thống nhất của người quyết định đầu tư. Trường hợp tại thời điểm triển khai dự án có thay đổi chính sách về nhân công, máy thi công, các khoản mục chi phí; giá vật tư, thiết bị tăng; chi phí đền bù tăng, dẫn đến làm thay đổi chi phí xây dựng, thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác và chi phí đền bù, chủ đầu tư được phép sử dụng chi phí dự phòng trong tổng mức đầu tư để điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư.

2. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình:

a) Các trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Xây dựng, Điều 11 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư

xây dựng và Điều 17 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng;

b) Trường hợp hồ sơ thiết kế và dự toán đã được phê duyệt nhưng tại thời điểm thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu có thay đổi giá vật tư, thiết bị do yếu tố trượt giá, thay đổi chế độ chính sách làm thay đổi cơ cấu các khoản mục chi phí gồm cả chi phí dự phòng nhưng không làm vượt dự toán xây dựng công trình đã được phê duyệt, thì chủ đầu tư được quyền điều chỉnh khi thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu; trường hợp việc điều chỉnh làm vượt dự toán đã được phê duyệt, thì chủ đầu tư phải trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng điều chỉnh để làm cơ sở thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu;

c) Trường hợp điều chỉnh thiết kế và dự toán trong quá trình triển khai thi công ngoài các nội dung nêu tại Khoản 2, 3 Điều 17 Thông tư số 18/2016/TT-BXD và chỉ sử dụng chi phí tiết giảm của giá trị gói thầu để thực hiện (không sử dụng chi phí dự phòng của gói thầu) thì chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình;

d) Trường hợp các thay đổi, điều chỉnh thiết kế và dự toán trong quá trình triển khai thi công sử dụng từ chi phí dự phòng của công trình (trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này), chủ đầu tư phải có đề nghị và được sự chấp thuận của người quyết định đầu tư trước khi thực hiện;

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), Phòng Tài chính – Kế hoạch (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) chủ trì thực hiện thẩm định dự toán điều chỉnh phần mua sắm đồ dùng, máy móc thiết bị rời đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, trình người quyết định đầu tư phê duyệt điều chỉnh.

Chương III **THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Điều 12. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, hình thức tổ chức quản lý dự án là Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA cấp huyện hoặc thuê tư vấn quản lý dự án (trường hợp Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA cấp huyện không đủ điều kiện năng lực để thực hiện một số công việc quản lý dự án);

b) Đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ; trường hợp điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa

thuận với nhà tài trợ không có quy định cụ thể, thì hình thức tổ chức quản lý dự án được thực hiện theo quy định của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

c) Đối với dự án PPP, doanh nghiệp dự án lựa chọn hình thức quản lý dự án quy định tại Điều 19, Điều 20, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

d) Đối với dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh làm chủ đầu tư:

- Dự án có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng, chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án;

- Dự án có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên, chủ đầu tư ký hợp đồng thuê Ban Quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban Quản lý dự án cấp huyện để thực hiện quản lý dự án;

- Riêng các dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước, chủ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; Điều 42, Điều 43 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và quy định của ngành.

2. Đối với dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công:

Hình thức tổ chức quản lý dự án là Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA cấp huyện hoặc thuê tư vấn quản lý dự án (trường hợp Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA cấp huyện không đủ điều kiện năng lực để thực hiện một số công việc quản lý dự án);

b) Đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, hình thức tổ chức quản lý dự án theo quy định của điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ; trường hợp điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ không có quy định cụ thể thì việc tổ chức quản lý dự án được thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản này.

Điều 13. Phân cấp cấp giấy phép xây dựng

Đối với các công trình theo quy định phải xin phép xây dựng, việc phân cấp cấp giấy phép xây dựng thực hiện như sau:

1. Phân cấp Giám đốc Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hoá, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

2. Phân cấp Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế (có sự thỏa thuận các Sở ngành chuyên môn liên quan) cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trong các Khu công nghiệp, các công trình được giao quản lý trực tiếp trong khu kinh tế (đã được giao đất).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc thẩm quyền quản lý, trừ các công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều này.

Điều 14. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Đối với các gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Đối với các gói thầu thuộc dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 01 tỷ đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư trực tiếp thực hiện thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Đối với công trình xây dựng sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2. Đối với các gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. Đối với các gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bộ phận giúp việc liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

4. Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án.

Điều 15. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ đầu tư.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 16. Giám sát và đánh giá đầu tư

Trách nhiệm thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và chủ đầu tư thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện giám sát đánh giá tổng thể đầu tư các dự án trên địa bàn, báo cáo tổng hợp hàng quý, 6 tháng và năm về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh có nhiệm vụ tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án đầu tư, định kỳ gửi báo cáo tình hình giám sát, đánh giá đầu tư đối với từng dự án đầu tư về Sở Kế hoạch và Đầu tư, bao gồm: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công chương trình, dự án; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh chương trình, dự án; Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc chương trình, dự án; Báo cáo đánh giá chương trình, dự án đầu tư do mình tổ chức thực hiện.

Điều 17. Giám sát của cộng đồng

Các cơ quan, tổ chức và chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Đầu tư công và Chương VII của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 18. Quản lý các công tác khác

1. Quản lý nhà nước về chất lượng công trình

Việc quản lý nhà nước về chất lượng công trình theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định hiện hành.

2. Quản lý về bảo trì công trình xây dựng

Việc quản lý về bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định hiện hành.

Chương IV

KẾT THÚC XÂY DỰNG ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO KHAI THÁC SỬ DỤNG

Điều 19. Quyết toán vốn đầu tư

1. Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phân cấp cho Sở Tài chính tổ chức thẩm tra quyết toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Đối với dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phân cấp cho Sở Tài chính tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán;

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổ chức thẩm tra quyết toán và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; thẩm tra và phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách cấp huyện quản lý.

2. Đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp trên giao Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư, khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, phải lập báo cáo quyết toán và được phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành.

3. Đối với các công trình, hạng mục công trình khi hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định; việc thuê kiểm toán độc lập kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành chỉ thực hiện khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được cấp thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký kết hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về hợp đồng; không thuê tư vấn kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán quyết toán dự án (tiểu dự án) bồi thường giải phóng mặt bằng; trường hợp cần thiết, thực hiện kiểm toán quyết toán theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Quy định về tổ chức thực hiện

1. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:

a) Tất cả các hoạt động đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đều phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng phải căn cứ các quy định của pháp luật về thanh tra và kiểm tra;

c) Mọi hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan được phân công, phân cấp quản lý dự án phải xây dựng quy trình, thủ tục hành chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị tổ chức thuộc UBND tỉnh được giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này; định kỳ theo quy định, báo cáo kết quả thực hiện quản lý đầu tư xây dựng gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và đồng gửi Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc phải kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao Sở Xây dựng phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi tổng hợp, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục

Các nguồn vốn đầu tư theo Luật Xây dựng và Luật Đầu tư công (Kèm theo Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền quản lý dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp)

Vốn ngân sách nhà nước	Vốn nhà nước ngoài ngân sách	Vốn đầu tư công
- Vốn ngân sách nhà nước.	<ul style="list-style-type: none">- Vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương;- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài,- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước,- Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước,- Các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.- Vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh;- Vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước;- Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước;- Giá trị quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước góp vốn để đầu tư xây dựng.	<ul style="list-style-type: none">- Vốn ngân sách nhà nước,- Vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương;- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài,- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước,- Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước,- Các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

Trong đó, chi tiết các nguồn vốn đầu tư công:

1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm: vốn đầu tư của ngân sách Trung ương cho Bộ, ngành trung ương; vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương cho địa phương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương.

2. Vốn đầu tư nguồn công trái quốc gia là khoản vốn do Nhà nước vay trực tiếp của người dân bằng một chứng chỉ có kỳ hạn để đầu tư cho các mục tiêu phát triển của đất nước.

3. Vốn đầu tư nguồn trái phiếu Chính phủ là khoản vốn trái phiếu Chính phủ do Bộ Tài chính phát hành để thực hiện một số chương trình, dự án quan trọng trong phạm vi cả nước.

4. Vốn đầu tư nguồn trái phiếu chính quyền địa phương là khoản vốn trái phiếu có kỳ hạn từ 01 năm trở lên, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành hoặc ủy quyền phát hành để đầu tư một số dự án quan trọng của địa phương.

5. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, gồm: vốn viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức liên Chính phủ hoặc liên quốc gia.

6. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là các khoản vốn do Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để đầu tư các dự án thuộc đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách xã hội.

7. Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, gồm:

a) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết đến trước thời điểm Luật ngân sách nhà nước sửa đổi năm 2015 có hiệu lực;

b) Khoản phí, lệ phí được để lại đầu tư của Bộ, ngành trung ương và địa phương;

c) Tiền lãi dầu khí của nước chủ nhà từ hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí (PSC), lợi nhuận được chia từ liên doanh dầu khí và tiền đọc tài liệu dầu khí;

d) Nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập để lại cho đầu tư;

đ) Vốn đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước được thu lại hoặc trích lại để đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương và địa phương;

e) Nguồn thu của tổ chức tài chính, bảo hiểm xã hội được trích lại để đầu tư dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Bộ, ngành trung ương và địa phương;

g) Nguồn thu từ chuyển mục đích, chuyển quyền sử dụng đất của Bộ, ngành trung ương và địa phương chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước để đầu tư dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

8. Khoản vốn vay của chính quyền cấp tỉnh được hoàn trả bằng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và thu hồi vốn từ các dự án đầu tư bằng các khoản vốn vay này, bao gồm:

a) Khoản huy động vốn trong nước của chính quyền cấp tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vay từ nguồn vốn nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước và huy động từ các nguồn vốn vay trong nước khác để đầu tư kết cấu hạ tầng;

b) Vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài do Chính phủ cho vay lại.